

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2021-2022

**A. NGŨ VĂN 10**

**I/ Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức - kỹ năng theo tiến độ chương trình.

- Đánh giá việc HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng làm bài đọc - hiểu.

- Thấy được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm thơ ca trung đại

- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp phương thức diễn đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận. Biết được kỹ năng làm bài nghị luận văn học về một tác phẩm thơ trữ tình trung đại.

**2. Năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS:**

**\* Năng lực đặc thù: Đọc, Viết**

- Nhận diện được các kiến thức về đọc – hiểu văn bản

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ trữ tình trung đại.

- Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm

**\*Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giải quyết vấn đề**

- Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi viết bài, làm bài.

**\*Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, Trách nhiệm**

- Trân trọng những giá trị của nền văn học dân tộc.

- Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

**II/ Hình thức đề :**

- Hình thức tự luận

- Thời gian: 90p

**III/ Thiết lập ma trận**

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Cộng
<b>1. Đọc hiểu:</b> Nghị luận xã hội. (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	<i>Đáp ứng được một trong hai yêu cầu sau:</i> - Nhận diện phương thức biểu đạt, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Xác định thông tin được	- Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được giá trị các biện pháp tu từ thể hiện qua văn bản/đoạn trích.	<i>Đáp ứng được một trong hai yêu cầu sau:</i> - Trình bày được bằng một đoạn văn ngắn nhận xét về một vấn đề trong văn bản/đoạn trích;		

	nêu trong văn bản/đoạn trích.		- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.		
4 câu	1 câu = 0,5 đ	2 câu = 1,5 đ 1 câu = 0,75 đ	1 câu = 1 đ		= 3đ
<b>2. Làm văn:</b> Nghị luận văn học. Thơ trữ tình trung đại Việt Nam (Ngữ liệu sách giáo khoa) Cảm nhận về đẹp về một phương diện nội dung/nghệ thuật của một bài thơ. - <i>Cảnh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi) - <i>Nhàn</i> (Nguyễn Bỉnh Khiêm)	- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích. - Xác định được nội dung cần nghị luận.	- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp tâm hồn con người. - Hiểu một số đặc điểm của thơ trữ tình trung đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.	- Vận dụng kỹ năng trình bày văn bản: dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.	- So sánh với các tác phẩm thơ trung đại cùng đề tài; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - HS biết thể hiện thái độ tình cảm với vẻ đẹp quê hương, đất nước, con người. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.	
1 câu	0,5 điểm	1 điểm	5 điểm	0,5 điểm	7 đ
Cộng: 2 câu	1 điểm	2,5 điểm	6 điểm	0,5 điểm	10 đ

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020-2021**  
**MÔN: NGỮ VĂN 10**  
**(ĐỀ MINH HỌA)**

**I/ ĐỌC- HIỂU**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

“Có thể ngày mai, cuộc đời sẽ trả lời mình bằng luồng gió lạnh ngắt, nhưng có hề chi, khi mình đã cống hiến cho cuộc đời một tâm hồn chính trực và cao cả – Biết yêu và biết ghét – Biết lăn lộn trong cái bình dị của cuộc sống mà cảm hiểu hạnh phúc không có gì so sánh nổi. Biết sống cao thượng, vươn lên trên tất cả những gì tính toán cá nhân mòn mỏi và cần cỗi. Phải, mình phải sống như vậy, phải cống hiến cho cuộc đời một tâm hồn như thế – Đây là mơ ước, là nguyện vọng, quyết tâm và cũng là trách nhiệm mình phải làm...”

( Trích Nhật ký *Mãi mãi tuổi hai mươi* – Nguyễn Văn Thạc, liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ)

**Câu 1:** Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Xác định nội dung của đoạn trích.

**Câu 3:** Em hiểu thế nào về suy nghĩ của tác giả thể hiện qua câu văn sau: “*Có thể ngày mai, cuộc đời sẽ trả lời mình bằng luồng gió lạnh ngắt, nhưng có hề chi, khi mình đã cống hiến cho cuộc đời một tâm hồn chính trực và cao cả – Biết yêu và biết ghét – Biết lăn lộn trong cái bình dị của cuộc sống mà cảm hiểu hạnh phúc không có gì so sánh nổi*”?

**Câu 4:** Trình bày suy nghĩ của em về một vẻ đẹp của thế hệ trẻ trong chiến tranh (Trình bày bằng đoạn văn 5-7 dòng)

## II/ LÀM VĂN

Cảm nhận của anh(chị) về vẻ đẹp của con người thời Trần qua bài thơ “Tỏ lòng” của Phạm Ngũ Lão.

### HƯỚNG DẪN CHẤM

<b><u>I/ĐOC- HIỂU</u></b>	
<p style="text-align: center;"><b>Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:</b></p> <p>“<i>Có thể ngày mai, cuộc đời sẽ trả lời mình bằng luồng gió lạnh ngắt, nhưng có hề chi, khi mình đã cống hiến cho cuộc đời một tâm hồn chính trực và cao cả – Biết yêu và biết ghét – Biết lăn lộn trong cái bình dị của cuộc sống mà cảm hiểu hạnh phúc không có gì so sánh nổi. Biết sống cao thượng, vươn lên trên tất cả những gì tính toán cá nhân mòn mỏi và cần cỗi. Phải, mình phải sống như vậy, phải cống hiến cho cuộc đời một tâm hồn như thế – Đây là mơ ước, là nguyện vọng, quyết tâm và cũng là trách nhiệm mình phải làm...</i>”</p>	
<p><b>Câu 1:</b> Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.</p>	0,5

<p><b>Câu 2:</b></p> <p>Nội dung chính của đoạn trích là: Sự trăn trở để hướng đến cuộc sống tốt đẹp từ đó toát lên lẽ sống cao đẹp của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc.</p>	0,75
<p><b>Câu 3:</b> HS thể hiện cách hiểu riêng phù hợp với yêu cầu. Gợi ý: Đoạn văn thể hiện niềm tự hào và hạnh phúc về lẽ sống tốt đẹp mà người thanh niên đã đặt ra cho mình.</p>	0,75
<p><b>Câu 4:</b> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các ý sau: Về đẹp của thế hệ trẻ trong chiến tranh như biết cống hiến, hy sinh ; biết sống cao thượng ; dũng cảm.....</p>	1,0
<p><b>II/LÀM VĂN:</b> <i>Cảm nhận của anh(chị) về vẻ đẹp của con người thời Trần trong bài thơ “Tỏ lòng” của tác giả Phạm Ngũ Lão.</i></p>	
<p><b>1. Yêu cầu về hình thức.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/ đoạn văn, kết bài kết luận được vấn đề.</li> <li>- Diễn đạt lưu loát, không lỗi dùng từ, đặt câu.</li> </ul>	0,5
<p><b>2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẻ đẹp của con người thời Trần trong bài thơ “Tỏ lòng”</li> <li>- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</li> </ul>	0,5
<p><b>3. Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nếu hợp lí giáo viên vẫn cho điểm tối đa.</li> </ul>	
<p><b>a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận:</b> Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận</p>	0,5
<p><b>b. Giải quyết vấn đề cần nghị luận</b> <b>* Vẻ đẹp của con người thời Trần trong tác phẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẻ đẹp của người tráng sĩ và quân đội nhà Trần mang tâm vóc vũ trụ và sức mạnh thời đại</li> <li>+ Tư thế hiên ngang, lẫm liệt sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc.</li> <li>+ Sức mạnh, khí thế chiến đấu hào hùng, tinh thần quyết chiến quyết thắng.</li> <li>- Vẻ đẹp con người thời Trần còn được thể hiện qua quan niệm về chí làm trai và vẻ đẹp nhân cách của Phạm Ngũ Lão</li> <li>+ Là đáng nam nhi trong xã hội phong kiến phải trả món nợ công danh cho đất nước.</li> </ul>	3,5

<p>+ Nỗi thẹn thùng của một con người có nhân cách cao cả muốn cống hiến cho dân, cho nước.</p> <p><b>* Khái quát, liên hệ:</b></p> <p>- Vẻ đẹp sức mạnh và tinh thần của con người thời Trần mang đậm Hào khí Đông A</p> <p>- Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, hình ảnh thơ kì vĩ, ngôn ngữ hàm súc, giàu sức biểu cảm</p> <p>- Liên hệ rút ra bài học nhận thức cho bản thân</p>	
<b>c. Kết thúc vấn đề:</b> Khái quát lại vấn đề cần nghị luận	0,5
<b>4. Sáng tạo:</b> Học sinh có cách diễn đạt mới mẻ thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0,5

## B. NGỮ VĂN 11

### I/ Mục tiêu:

#### 1. Kiến thức:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức - kỹ năng theo tiến độ chương trình.

- Đánh giá việc HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng làm bài đọc - hiểu.

- Thấy được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm truyện ngắn (*Hai đứa trẻ, Chử người tử tù, Hạnh Phúc của một tang gia (Trích Tiểu thuyết Số đỏ), Chí Phèo*)

- Hiểu được đặc trưng thể loại truyện ngắn Việt Nam hiện đại.

- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp phương thức diễn đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận. Biết được kỹ năng làm bài nghị luận văn học về một nhân vật trong tác phẩm truyện ngắn.

#### 2. Năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS:

##### \* Năng lực đặc thù: Đọc, Viết

- Nhận diện được các kiến thức về đọc – hiểu văn bản

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận về truyện ngắn đã học trong chủ đề.

- Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

##### \* Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giải quyết vấn đề

Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi viết bài, làm bài.

##### \* Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, Trách nhiệm

- Trân trọng những giá trị của nền văn học dân tộc.

- Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

### II/ Hình thức đề :

- Hình thức tự luận

- Thời gian: 90p

### III/ Thiết lập ma trận

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Cộng
<p><b>1. Đọc hiểu:</b> 1 văn bản.</p>	<p><b>1. Nhận biết một phong cách ngôn ngữ trong các phong cách ngôn ngữ đã học ở lớp 10, 11 (PCNN sinh hoạt</b> với 3 đặc trưng: tính cụ thể, tính cảm xúc, tính cá thể. <b>PCNN nghệ thuật</b> với 3 đặc trưng: tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hoá. <b>PCNN báo chí</b> với 3 đặc trưng: tính thông tin thời sự, tính ngắn gọn, tính sinh động, hấp dẫn).</p> <p><b>2. Xác định được chủ đề của văn bản.</b></p>	<p>Diễn giải được một khái niệm, một câu văn ... có trong văn bản đọc hiểu.</p> <p><b>Ví dụ:</b> - Anh/chị hiểu như thế nào về câu/ từ ... - Vì sao tác giả lại cho rằng...</p>	<p>Từ văn bản, HS rút ra được thông điệp (<i>điều mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản</i>) hoặc bài học có ý nghĩa đối với bản thân HS.</p>		
4 câu	2 câu = 1,5 đ	1 câu = 1đ	1 câu = 0,5 đ		= 3đ
<p><b>2. Làm văn:</b> Nghị luận văn học bàn về 1 vấn đề thuộc lĩnh</p>	<p>Xác định được: - Phương thức biểu đạt của văn bản sẽ tạo lập: nghị luận, - Xác định được vấn đề nghị luận: nghị luận về một nhân vật văn học (<i>Các nhân vật văn học trong tác phẩm VH hiện đại của lớp 11: Hai</i></p>	<p>Hiểu được đúng vấn đề nghị luận: bàn bạc, thể hiện ý kiến về một nhân vật cụ thể. (Nhân vật: <b>Liên trong Hai đứa trẻ; Nhân vật Huấn Cao, quản ngục trong Chữ</b></p>	<p><b>1. Vận dụng những kiến thức về:</b> Tác phẩm văn học trong chương trình ngữ văn 11 (văn học Việt Nam hiện đại): kiến thức về tác giả, tác phẩm, đặc điểm nhân vật văn học ... <b>2. Kỹ năng:</b></p>	<p>Từ vấn đề được yêu cầu nghị luận: - HS biết đánh giá về nhân vật đã bàn luận, biết liên hệ so sánh với các nhân vật khác</p>	

vực văn học Việt Nam hiện đại.	<i>đứa trẻ, Chữ người tử tù, Hạnh phúc của một tang gia, Chí phèo.</i>	<b>người tử tù; các nhân vật trong Hạnh phúc của một tang gia; nhân vật Chí phèo trong Chí Phèo)</b>	- Tạo lập văn bản nghị luận - Kỹ năng phân tích nhân vật văn học - Kỹ năng vận dụng kết hợp các thao tác lập luận đã học: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh	- HS biết liên hệ nhân vật văn học với thực tế bản thân, với đời sống xã hội.	
1 câu	0,5 điểm	1 điểm	5 điểm	0,5 điểm	7 đ
Cộng: 2 câu	2 điểm	2 điểm	5,5 điểm	0,5 điểm	10 đ

#### IV/ ĐỀ MINH HOẠ:

**Phần 1 - đọc hiểu (3 điểm):** Đọc văn bản sau:

*“Còn gì đáng buồn hơn khi mà giàu có về vật chất thì lại nghèo nàn đến thảm hại về văn hóa tinh thần, ... Một bộ phận thanh niên bây giờ nghĩ nhiều, nói nhiều đến tiền bạc, hưởng thụ. Ăn mặc đẹp, sang trọng, tiện nghi hiện đại lắm nhưng con người thì vô cùng mỏng. Gió thổi nhẹ thì bay biến tứ tán ngay. Ngày trước dân ta nghèo nhưng đức dày, nhân cách vững vàng, phong ba bão táp không hề gì, ... Chung qui tại giáo dục mà ra. Cha mẹ bây giờ chiều con quá, không để chúng thiếu thốn gì. Vì thế mà chúng rất mong manh, dễ vỡ, dễ hư hỏng. ( Nguyễn Khải, báo Đầu tư, Ngữ văn 11 nâng cao)*

Và trả lời câu hỏi bên dưới:

1/ Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. (0,75đ)

2/ Xác định nội dung chính của văn bản? (0,75đ)

3/ Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: *“Một bộ phận thanh niên bây giờ nghĩ nhiều, nói nhiều đến tiền bạc, hưởng thụ. Ăn mặc đẹp, sang trọng, tiện nghi hiện đại lắm nhưng con người thì vô cùng mỏng?”* (1đ)

4/ Từ đoạn văn trên em rút ra bài học gì? (0,5đ)

**Phần 2 - Làm văn (7điểm)**

Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về nhân vật Huân Cao trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân. Từ nhân vật huân cao, hãy liên hệ bản thân.

#### V/ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần 1	Câu	Nội dung	Điểm
	1	- Phong cách ngôn ngữ báo chí	0,75

	2	Nội dung chính: Thanh niên ngày nay có đời sống văn hóa tinh thần nghèo nàn	0,75
	3	Một bộ phận thanh niên bây giờ nói nhiều đến vật chất và có vẻ ngoài đẹp, hiện đại nhưng tâm hồn nghèo nàn. (vô cảm, thiếu hiểu biết, ý thức kém)	0,5 0,5
	4	Bài học: cần không ngừng học tập, rèn luyện bản thân để từng bước bồi dưỡng tâm hồn, tinh thần	<b>0,5</b>
Phần 2		a/ Cấu trúc bài văn nghị luận: Đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài với nhiệm vụ cụ thể của từng phần	0,25
		b/ Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nhân vật Huân Cao	0,25
		C/ Triển khai các luận điểm C1/ Mở bài: + Giới thiệu tg, tp + Vấn đề nghị luận: nhân vật Huân Cao	0,5
		C2/ Thân bài: <b>* Nội dung:</b> Huân Cao là: - Một nghệ sĩ tài hoa: + tài năng: viết chữ đẹp + danh tiếng: nổi tiếng khắp nơi - Một anh hùng có khí phách hiên ngang, bất khuất : + khát vọng, hoài bão: lật đổ triều đình phong kiến thời đương thời + phong thái ung dung, luôn làm chủ bản thân + tư thế hiên ngang, không cúi đầu trước quyền lực, cái ác, cái xấu - Một tâm hồn thanh cao, trong sáng: + không trọng vật chất, danh lợi: không vì vàng bạc hay quyền thế mà cho chữ + chỉ trọng cái đẹp: cho chữ QN vì cảm tấm lòng của quản ngục => Huân Cao có nhiều vẻ đẹp. Qua nhân vật, ta thấy được quan niệm của Nguyễn Tuân về cái đẹp: cái đẹp phải toàn diện, cái tài đi đôi với cái tâm, cái đẹp gắn với cái thiện. <b>* Nghệ thuật:</b> Ngôn ngữ cổ kính phù hợp với tính cách nhân vật; nghệ thuật xây dựng tình huống, thủ pháp đối lập.	5đ
	C3/ <b>Kết bài</b> - Khái quát vấn đề nghị luận: Huân Cao có vẻ đẹp toàn diện, lí tưởng.	0,5	



	- Liên hệ bản thân	
	d/ Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ mới mẻ, liên hệ so sánh ...	0,25
	e/ Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa của tiếng Việt.	0,25

## C. NGỮ VĂN 12

### I/ Mục tiêu:

#### 1. Kiến thức:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức - kỹ năng theo tiến độ chương trình.

- Đánh giá việc HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng làm bài Đọc - hiểu.

- Thấy được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm kí (*Người lái đò Sông Đà* – Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* – Hoàng Phủ Ngọc Tường). Hiểu được đặc trưng thể loại kí văn học Việt Nam hiện đại.

- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp phương thức diễn đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận. Biết vận dụng kỹ năng làm bài nghị luận văn học về một tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi.

#### 2. Năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS:

##### \* Năng lực đặc thù: Đọc, Viết.

- Nhận diện được các kiến thức về phần Đọc – hiểu. Vận dụng làm bài đạt hiệu quả.

- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận về hai bài kí đã học (*Người lái đò Sông Đà* – Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* – Hoàng Phủ Ngọc Tường)

- Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về hai tác phẩm kí.

##### \*Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giải quyết vấn đề.

Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi viết bài, làm bài.

##### \*Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, Trách nhiệm.

- Trân trọng những giá trị của nền văn học dân tộc.

- Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

### II/ Hình thức đề :

- Hình thức tự luận

- Thời gian: 90p

### III/ Thiết lập ma trận

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Cộng
<b>1. Đọc hiểu: Nghị luận hiện đại</b> (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, cách ngôn ngữ,	- Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.(Câu 3) - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt,	- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra		

	biện pháp tu từ,...(Câu 1) - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.(Câu 2)	giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích. - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.	trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. (Câu 4)		
4 câu	1 câu = 0,5 đ	1 câu = 1đ 1 câu = 0,75đ	1 câu = 0,75 đ		= 3đ
<b>2. Làm văn:</b> <b>Kí hiện đại Việt Nam</b> (Ngữ liệu sách giáo khoa) Nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích kí: - <i>Người lái đò Sông Đà</i> (trích) của Nguyễn Tuân - <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (trích) của Hoàng Phủ Ngọc Tường	- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích. - Xác định được đối tượng phản ánh và hình tượng nhân vật <i>tôi</i> .	- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: vẻ đẹp và sức hấp dẫn của dòng sông, cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn. - Hiểu một số đặc điểm của kí hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.	- Vận dụng kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích. - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.	- So sánh với các bài kí khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - HS biết thể hiện thái độ tình cảm với vẻ đẹp quê hương, đất nước. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.	
1 câu	0,5 điểm	1 điểm	5 điểm	0,5 điểm	7 đ
Cộng: 2 câu	1,0 điểm	2,75 điểm	5,75 điểm	0,5 điểm	10 đ

#### IV/ ĐỀ MINH HỌA

##### I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

###### Đọc đoạn trích:

Những ai tự hào với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngay cả một nhân viên phục vụ ở tiệm bán thức ăn nhanh cũng có thể được xem là thành công khi anh ta dốc hết sức mình cho công việc: vừa nhận đơn đặt hàng qua điện thoại, vừa tươi cười với thực khách, vừa nhanh tay đóng gói thực phẩm khách mua về...

Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu. Nếu bạn làm vì niềm vui, sự phấn khởi, vì những thử thách mà công việc ấy mang đến cho bạn và lòng tự hào về những gì làm được, bạn sẽ không ngừng phát triển bản thân. Nếu làm việc chỉ vì danh tiếng, tư lợi bạn sẽ dậm chân tại chỗ. Suy cho cùng, sự khen tặng, ái mộ mọi người dành cho bạn rồi cũng tan biến đi khi cảm giác mới lạ trong họ không còn nữa. Còn nếu bạn muốn lặp lại những việc tương tự chỉ để nhận lấy những lời khen cũ rích thì bạn sẽ chẳng có động lực nội tại nào thúc đẩy bản thân tiến bước xa hơn.

(Trích 10 quy luật cuộc sống - Dan Sullivan Catherine Nomura,  
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 49 - 50)

### Thực hiện các yêu cầu sau:

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Theo đoạn trích, để thành công trong mọi hoàn cảnh con người cần có thái độ như thế nào đối với công việc của mình?

**Câu 3.** Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết những yếu tố tạo nên động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc.

**Câu 4.** Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị?

### II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lí giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở. Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khoá trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng.

(Trích Ai đã đặt tên cho dòng sông? – Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.198)

Cảm nhận của anh/ chị về hình tượng sông Hương trong đoạn trích trên.

.....Hết.....

### V/ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I	<b>ĐỌC HIỂU</b>		<b>3,0</b>
	<b>1</b>	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5
	<b>2</b>	Con người để thành công trong mọi hoàn cảnh cần có thái độ <i>tự hào với kết quả công việc của mình</i>	0,75
	<b>3</b>	<p>Những yếu tố tạo ra động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Niềm vui, sự phấn khởi.</li> <li>- Những thử thách mà công việc mang đến.</li> <li>- Lòng tự hào về những gì làm được.</li> </ul>	1,0
	<b>4</b>	<p>Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân. Có thể theo gợi ý sau:</p> <p>Tình yêu đối với công việc là động lực để con người đạt được thành công.</p>	0,75
II	<b>LÀM VĂN</b>		<b>7,0</b>
	<b>1</b>	<b>Cảm nhận của anh/chị về hình tượng sông Hương trong đoạn trích.</b>	<b>7,0</b>
		<p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,5
		<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Hình tượng sông Hương và cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.</p>	0,5
		<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p><i>Nội dung</i></p> <p>* Giới thiệu khái quát về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường, tác phẩm Ai đã đặt tên cho dòng sông? và vị trí đoạn trích.</p> <p>* Cảm nhận về hình tượng sông Hương trong đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình tượng sông Hương có vẻ đẹp phong phú: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sông Hương khi chầu giữa lòng Trường Sơn mang vẻ đẹp hoang dại, mãnh liệt và đầy cá tính: <i>bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt; vừa dịu dàng và say đắm được toát lên giữa màu đỏ của những bông hoa đỗ quỳên rừng; một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại, bản lĩnh gan dạ tâm hồn tự do và trong sáng.</i></li> <li>+ Sông Hương khi ra khỏi rừng mang vẻ đẹp đầm thắm, sâu lắng của người mẹ: <i>sắc đẹp dịu dàng, trí tuệ, người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.</i></li> </ul> </li> <li>- Hình tượng sông Hương được thể hiện bằng ngôn ngữ tinh tế, đầy chất thơ; lối hành văn hướng nội, mê đắm, tài hoa; nghệ thuật nhân hóa, so sánh tạo những liên tưởng, độc đáo, thú vị</li> </ul>	5,0

	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo</i>  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có liên hệ mở rộng; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
		<b>10,0</b>

.....Hết.....